

TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA
VIỆN KHẢO CỔ HỌC



Chương trình KX - 06

NHỮNG VẤN ĐỀ VĂN MINH VĂN HÓA
VÌ SỰ PHÁT TRIỂN VÀ TIẾN BỘ XÃ HỘI

Đề tài KX 06 - 02

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH BẢN SẮC VĂN HÓA VIỆT NAM

Chủ nhiệm đề tài
GIÁO SƯ HÀ VĂN TẤN

Các tác giả

CHỦ VĂN TẤN, HÀ VĂN TẤN, HOÀNG XUÂN CHINH,
PHẠM LÝ HƯƠNG, VŨ THẾ LONG

Hà-nội - 1995

TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA
VIỆN KHẢO CỔ HỌC
Số 2872
TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA
VIỆN KHẢO CỔ HỌC
11/11/1996

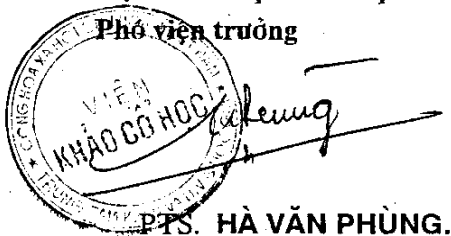
**DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN
THAM GIA NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI KX06 - 02.**

Chủ nhiệm đề tài : *Giáo sư* **HÀ VĂN TẤN**

Các thành viên (xếp theo A, B, C) :

- 1/ NCV. Bùi Văn Vinh.
- 2/ PGS. Chử Văn Tấn (Chủ nhiệm đề tài nhánh).
- 3/ PTS. Hà Hữu Nga.
- 4/ PTS. Hà Văn Phùng (Thư ký đề tài).
- 5/ GS. Hà Văn Tấn (Chủ nhiệm đề tài nhánh).
- 6/ PGS. Hoàng Xuân Chinh (Chủ nhiệm đề tài nhánh).
- 7/ PTS. Nguyễn Thị Kim Dung
- 8/ PGS-PTS. Phạm Lý Hương (Chủ nhiệm đề tài nhánh).
- 9/ PTS. Nguyễn Trường Kỳ
- 10/ PTS. Trịnh Cao Tường.
- 11/ PTS. Trịnh Văn Sinh.
- 13/ NCV. Vũ Thế Long.

Xác nhận của cơ quan chủ quản.



Chủ nhiệm đề tài.



Giáo sư **HÀ VĂN TẤN**

Mấy lời nói đầu

Bản sắc văn hoá dân tộc là hệ thống các giá trị văn hoá mà mỗi dân tộc chấp nhận. Tất nhiên nói " giá trị " ở đây, ta không hề dùng khái niệm đó theo nghĩa giá trị học (axiologic), nghĩa là tiến bộ hay không tiến bộ, theo nhận thức chủ quan của chúng ta. Mỗi dân tộc có một bản sắc văn hoá riêng gồm những giá trị phù hợp với nó, kể cả những giá trị trung tính (neutre).

Ví dụ ăn là một yêu cầu sinh học. Nhưng ăn bốc ăn đũa hay ăn bằng thìa thì đó là văn hoá. Và chúng ta không thể coi cách ăn nào là tiến bộ hơn cách ăn nào. Đó là những giá trị trung tính. Cũng như thế, cái đói là động lực sinh học, nhưng khẩu vị để thoả mãn cái đói chính là văn hoá.

Nhưng nói như vậy không có nghĩa là tách rời tự nhiên và văn hoá. Người ta thường nói cái gì không phải tự nhiên thì là văn hoá. Nhưng có điều, văn hoá không thể tách rời với môi trường tự nhiên. Tất nhiên, văn hoá gắn liền với ứng xử, và ứng xử là cả thiên nhiên và xã hội. Và ứng xử thì phải có chuẩn mực của cộng đồng. Chính ở những chuẩn mực cộng đồng này, bản sắc văn hoá lộ ra rõ ràng. Và sau cùng, chúng ta cần thấy rằng văn hoá cũng phụ thuộc vào lịch sử : lịch sử biến đổi và do đó, văn hoá cũng biến đổi theo, do những điều kiện mà lịch sử đưa lại.

Như vậy chúng ta cần chú ý đến ba điểm :

1. Văn hoá và môi trường tự nhiên

Trong thư Triệu Đà viết cho vua Hán có câu " Âu Lạc ở phía Tây, ở trần mà cũng xưng vương". Chắc là câu đó không tránh khỏi có ý miệt thị. Nhưng ở trần ở nước Âu Lạc, và trước đó, ở thời đại các vua Hùng, thì là một đặc điểm gắn liền với văn hoá, với bản sắc văn hoá : ở trần đóng khố đối với nam và mặc váy đối với nữ. Đóng khố mặc váy thì ở nông thôn Việt Nam cho đến trước cách mạng tháng tám còn rất phổ biến. Chúng tôi nghĩ rằng điều đó phù hợp với điều kiện khí hậu. Đó là nói chuyện cái mặc. Cũng như vậy, trong cái ăn, bát canh có vị trí quan trọng trong bữa cơm Việt Nam. Chan canh là cách ăn đặc biệt Việt Nam. Lấy ví dụ như người Nhật, họ không bao giờ chan lẫn cơm với canh mặc dầu nước này cũng ăn cơm và ăn canh. Và trong

các thứ rau làm canh, người Việt Nam lại thích loại rau nhót như rau mồng tơi, rau đay ... Cũng lại do điều kiện tự nhiên.

Tất nhiên, cũng do điều kiện khí hậu, giữa các vùng có khác nhau. Miền Nam, như hiện nay, thích uống trà đá, còn miền Bắc, thì lại thích chè nóng. Nhưng nhìn chung, cần chú ý môi trường tự nhiên đối với văn hoá.

Môi trường tự nhiên, từ thời dựng nước đến nay, lại ít thay đổi. Do đó, nhiều yếu tố bản sắc văn hoá gắn liền với môi trường, có lẽ là ít thay đổi.

2. Văn hoá và môi trường xã hội

Môi trường xã hội thì biến đổi có phần nhanh hơn môi trường tự nhiên. Thế nhưng ở Việt Nam, văn hoá nói chung là văn hoá xóm làng và văn hoá nông nghiệp cho đến nay tình hình đó gần như không có mấy thay đổi.

Cái mô hình làng, liên làng và trên đó là siêu làng, vẫn là cái mô hình đã hình thành từ ngày lập nước cho đến hôm nay.

Các chuẩn mực văn hoá vẫn được quy định bằng thói quen, phong tục, cấm kỵ đã hình thành từ nghìn xưa. Mà chuẩn mực là việc áp dụng các giá trị vào đời sống.

"Miếng giầu là đầu câu chuyện", "Một miếng ở làng bằng sàng trong bếp". "Một giọt máu đào hơn ao nước lã", v.v và v.v... là những ứng xử mà chúng tôi nghĩ rằng đó là những chuẩn mực khá bền vững. Và suy cho cùng, những chuẩn mực đó chắc đã nảy sinh từ thời dựng nước. Ví dụ : Mối quan hệ giữa họ và làng ở Việt Nam, không bao giờ công xã láng giềng hay công xã nông thôn trở nên thuần nhất, mà vẫn gắn liền với công xã thị tộc, nghĩa là vai trò của huyết tộc bao giờ cũng lớn. Chắc là ai cũng biết rằng cho đến nay, ở nông thôn vẫn còn các "chi bộ họ ta".

Nói như vậy là phải nói đến nguyên nhân lịch sử. Đáng lý ra, khi nhà nước đã xuất hiện, thì các tàn dư thị tộc, các cơ sở cộng đồng dần dần biến đi. Nhưng ở Việt Nam lại khác. Các cuộc xâm lược đã buộc các yếu tố cộng đồng phải cố kết lại. Và trong một lịch sử mà các cuộc đấu tranh chống ngoại xâm xảy ra liên miên thì các yếu tố cộng đồng phải tồn tại lâu dài. Trước quyền lợi của dân tộc thì cá nhân phải quên đi và cộng đồng là trên hết.

Vì vậy nhìn nhận về văn hoá, về bản sắc văn hoá, chúng ta không nên quên điều kiện lịch sử và xã hội.

3. Bản sắc văn hoá dân tộc cũng thay đổi.

Di tìm bản sắc văn hoá, ta thường đi tìm những hằng số của văn hoá. Ta hãy nghe Trần Văn Khê nói : "Khi người phụ nữ Việt Nam mặc áo dài, khác với áo "Ki mô nô"

của Nhật, áo "Sari" của Ấn Độ, áo dài "xẻ từ đùi tới chân" như áo Thượng Hải, chúng ta cho rằng áo dài có tính dân tộc. Ai thấy áo dài cũng biết ngay là áo của dân tộc Việt Nam. Khi chúng ta ăn thịt kho, cá kho bằng nước dừa xiêm, có bỏ nước màu, khác hẳn với thịt heo xào "chua ngọt" và cá chung tương của người Trung Quốc, thì thịt kho, cá kho đã mang tính "dân tộc" Việt Nam. Nói chi đến cách "gỏi nem chua", thì dân tộc Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên, Thái Lan nhất định không biết làm món ấy. "Nem chua" rất đậm màu dân tộc Việt Nam".

Nhưng ta bỗng tự hỏi rằng cái áo dài Việt Nam kia có từ bao giờ? Cái áo dài đó sản sinh ra gần đây thôi, chứ đâu phải có từ đầu. Thế mới biết, trong các yếu tố bản sắc dân tộc, có những cái xuất hiện sau, có những cái hấp thụ từ bên ngoài nhưng cải biên đi, phù hợp với con người Việt Nam

Có người nói rằng văn hoá Việt Nam vốn là thuộc nền văn hoá Đông Nam Á, rồi sau đó do ảnh hưởng của văn hoá Trung Quốc, văn hoá Việt Nam chuyển dần sang văn hoá Đông Á.

Chúng ta cần phân tích rõ điều này. Lấy ví dụ trong âm nhạc. Có người cho rằng dưới ảnh hưởng của Trung Quốc, chúng ta mới có thêm đàn đáy, đàn nguyệt ... Nhưng cũng có người cho rằng đàn đáy của Trung Quốc (Tam huyền cầm) và Mông Cổ (sandfe) bịt bằng da trăn, thùng đàn Shamisen của Nhật bịt bằng da mèo ở phía mặt và da chó ở phía lưng. Còn đàn đáy Việt Nam, tuy cũng có 3 dây nhưng rất khác các loại đàn trên. Đàn nguyệt Việt Nam cũng không giống với đàn nguyệt cầm (Yuegin) Trung Quốc. Nguyệt cầm Trung Quốc có cần đàn ngắn, phím không cao, đàn có chữ chuyền, thiếu chữ nhấn. Do đó đàn đáy, đàn nguyệt phải coi là có tính dân tộc. Và gần đây thôi, ta lại phải nói đến đàn ghi-ta phím lõm dùng cho hát cải lương.

Do đó không nên đối lập sự vay mượn và sự biến đổi sáng tạo. Tất cả cái đó, đều có thể làm cho bản sắc văn hoá dân tộc thêm giàu có.

Điều đáng chú ý là lúc nào thì yếu tố ngoại sinh vay mượn của người đã trở thành yếu tố nội sinh của dân tộc mình.

Với một cách nhìn như thế, chúng tôi nghiên cứu "Quá trình hình thành bản sắc văn hoá Việt Nam". Theo giới hạn của đề tài, chúng tôi chỉ nghiên cứu những yếu tố bản sắc văn hoá của người Việt cổ hình thành vào buổi khai sinh của văn minh. Mà muốn làm được điều đó, chúng tôi không thể không tìm hiểu các vấn đề :

1. Môi trường sống của người Việt cổ.
2. Sự hình thành nền văn minh Việt cổ.
3. Nguồn gốc người Việt

4. Văn minh kỹ thuật của người Việt cổ.

5. Thế giới tinh thần của người Việt Cổ.

Như đã nói ở trên, bản sắc văn hoá không thể không gắn với môi trường tự nhiên. Còn sự hình thành văn minh Việt cổ thì cho chúng ta biết các bước tiến tới văn minh cũng như bản chất của văn minh mà ở đây là nền văn minh Đông Sơn. Và như vậy, ta có thể thấy bản sắc văn hoá xuất hiện vừa là lâu đời vừa là nhạy vọt. Lâu đời vì đã có những yếu tố từ thời Tiền Đông Sơn, nhưng nhạy vọt, khi một nền văn minh với quốc gia, với nhà nước đã xuất hiện - văn minh Đông Sơn. "Cộng đồng người Việt tổ tiên ta đã sớm trở thành một dân tộc, một quốc gia, đó là một sức mạnh, một thế mạnh rất cần thiết và quý báu. Đó là một sự tự khẳng định giàu giá trị văn hoá để tự bảo vệ mình, để tồn tại và phát triển" (Phạm Văn Đồng, *Văn hoá và đổi mới*).

Bản sắc văn hoá lộ rõ hơn trong văn minh kỹ thuật cũng như thế giới tinh thần. Viết các phần này, chúng tôi cũng đã cố gắng nêu lên các yếu tố bản sắc văn hoá dân tộc.

Chúng tôi cũng coi việc tìm hiểu nguồn gốc người Việt như là một nhiệm vụ cơ bản trong việc tìm về cội nguồn của văn hoá Việt cổ, và do đó, tìm về cội nguồn của bản sắc văn hoá.

Và sau cùng, là phần " Bản sắc văn hoá Việt cổ ", thủ phác hoạ những yếu tố bản sắc văn hoá Việt Nam thời khai sinh.

Tất nhiên là vào thời đó, chúng ta thấy trong bản sắc văn hoá, vắng bóng những yếu tố mà sau này mới có.

Nhưng xem ra, văn hoá Việt Nam có nhiều lớp, nhưng không xếp chồng lên nhau, chúng ta đều có thể nhìn thấy các lớp văn hoá đó, qua dặm dài lịch sử. Chẳng những thế có nhiều yếu tố bản sắc văn hoá đã xuất hiện trong buổi bình minh của văn minh vẫn tiếp tục tồn tại đến ngày nay. Những yếu tố mới của văn hoá không làm suy giảm chúng, mà ngược lại, còn rèn luyện, hun đúc chúng, làm cho chúng trở thành sức sống trường tồn của dân tộc.

Tất nhiên ở đây chúng tôi cũng suy nghĩ đến những nhược điểm của văn hoá truyền thống, vì không có cái gì chỉ có mặt tốt mà không có mặt xấu, mặt yếu. Đó là biện chúng.

Nhưng dẫu sao, chúng tôi không nghĩ rằng công trình này đã hoàn hảo, hẳn là còn nhiều vấn đề cần bàn cãi.

Để hoàn thành công trình này, chúng tôi đã phân thành các đề tài nhánh, do những tập thể cán bộ nghiên cứu đảm nhiệm. Chúng tôi cũng đã tiến hành nhiều hội

thảo, mong tập hợp được ý kiến rộng rãi của nhiều học giả. Viết công trình tổng hợp này chúng tôi phân công như sau :

"Khái quát về môi trường sống của người Việt cổ" do Vũ Thế Long ; " Sự hình thành nền văn minh Việt cổ ",do Chủ Văn Tấn ; " Nguồn gốc người Việt ", do Hà Văn Tấn ;"Văn minh kỹ thuật của người Việt cổ "do Phạm Lý Hương ; "Thế giới tinh thần của người Việt cổ ", do Hoàng Xuân Chinh ; "Bản sắc văn hoá Việt cổ", do Chủ Văn Tấn và Hà Văn Tấn. Công trình do Hà Văn Tấn chủ biên.

Chúng tôi cảm ơn giáo sư Nguyễn Hồng Phong, chủ nhiệm chương trình "Văn hoá văn minh vì sự phát triển và tiến bộ xã hội " và giáo sư Vũ Khiêu đã đóng góp nhiều ý kiến quý báu. Chúng tôi cũng cảm ơn các nhà nghiên cứu trong và ngoài Viện Khảo cổ học đã nhiệt tình tham gia các cuộc hội thảo thuộc đề tài này.

HÀ VĂN TẤN

Chương I

KHÁI QUÁT VỀ MÔI TRƯỜNG SỐNG CỦA NGƯỜI VIỆT CỔ

Môi trường tự nhiên có một ảnh hưởng to lớn lên đời sống của con người. Môi trường là yếu tố rất quan trọng, nó góp phần tạo nên bản sắc văn hoá của mỗi dân tộc. Dân cư trên thảo nguyên sống đời sống du mục thì mang bản sắc khác với dân chài trên sông biển. Người sống trên núi cao có cuộc sống khác với người sống ở đồng bằng. Đó là lẽ tự nhiên. Vậy môi trường sống tự nhiên của người Việt cổ ra sao ? Ảnh hưởng của môi trường tự nhiên lên đời sống của người Việt cổ như thế nào ? Đó là điều cần tìm hiểu đầu tiên khi muốn biết bản sắc văn hoá của người Việt.

Môi trường tự nhiên chính là những yếu tố quan trọng tạo nên bản sắc văn hoá của người Việt. Để tìm hiểu khái quát về môi trường sống tự nhiên của người Việt cổ, chúng ta có thể xem xét trên một số phương diện chính sau : *Vị trí địa lý hay không gian sinh tồn ; Chế độ khí hậu ; Hệ động thực vật ; Đất đai và khoáng sản.*

Để hiểu được môi trường sống của người Việt cổ, đương nhiên, chúng ta cần phải dựa vào các tư liệu khảo cổ học, cổ sinh vật học, cổ địa lý, cổ khí hậu, các thu tích cổ cùng nhiều nguồn tư liệu tổng hợp khác. Trong tình hình hiểu biết hiện tại, ở đây, chỉ xin nêu một số nét khái quát về môi trường sống của người Việt cổ trong mối quan hệ giữa môi trường tự nhiên và văn hoá.

Không gian sinh tồn của người Việt cổ : Thật khó có thể phân định một cách rạch ròi không gian sinh tồn của một tộc người. Như là một trong những động vật sống trên hành tinh này, theo luật tự nhiên, con người có thể mở rộng hoặc thu hẹp địa bàn cư trú của mình tùy theo hoàn cảnh cũng như nhu cầu nội tại của mình. Ranh giới lãnh thổ quốc gia hiện tại không phản ánh được ranh giới sinh tồn của các tộc người trong quá khứ. Bởi thế, đây là một vấn đề khá phức tạp. Hiện tại, các tài liệu khảo cổ học cho biết cư dân Việt cổ đã từng có mặt chủ yếu trong khu vực nay là phần lãnh thổ phía bắc Việt Nam. Các nhóm cư dân Việt cổ sống tập trung ở các đồng bằng lớn. Đó là đồng bằng Sông Hồng, đồng bằng Sông Mã và đồng bằng sông Lam (trừ vùng đất bồi ven biển mới được bồi tụ trên dưới 1000 năm trở lại đây). Ngoài vùng đồng bằng, dấu tích văn hoá của người Việt cổ còn được tìm thấy cả ở miền núi.

Như vậy, không gian sinh tồn của người Việt cổ là một không gian mở, có núi cao ở phía tây, tây bắc, bắc và đông bắc, có vùng đồi trung du và đồng bằng. Có đồng bằng cao tiếp giáp trung du và đồng bằng thấp ven biển cùng một số hải đảo. Dân cư sinh sống chủ yếu tập trung ở vùng đồng bằng. Do hoàn cảnh địa lý đặc biệt như vậy nên cư dân Việt cổ sinh tồn trong những hệ sinh thái đa dạng bao gồm hệ sinh thái núi

cao, hệ sinh thái thung lũng, hệ sinh thái trung du, hệ sinh thái đồng bằng phù sa, hệ sinh thái ven biển. Bản thân các hệ sinh thái khác biệt này đã góp phần tạo nên sự phong phú trong bản sắc văn hoá của người Việt.

Tuy sống trong các hệ sinh thái khác nhau nhưng người Việt vẫn có được những mối giao lưu chặt chẽ giữa các tộc người và cả với các tộc láng giềng vì người Việt vốn sinh tồn trong một không gian mở. Không gian mở này bao gồm toàn bộ phần phía đông là biển có thể đón nhận mọi luồng văn minh khác từ biển vào và ngược lại cũng qua các cửa biển mà văn minh Việt có thể lan toả ra các vùng hải đảo hoặc các vùng ven biển xa xôi khác. Các dòng sông lớn nhỏ và hệ thống những thung lũng là những huyết mạch giao thông nối liền các cộng đồng cư dân Việt sống ở đồng bằng và núi cao. Đồng thời, những hệ thống sông ngòi này cũng chính là những mạch nối giữa cư dân sống trong các miền đồng bằng và mạch nối Bắc - Nam.

Không gian mở là một điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế, văn hoá của người Việt từ khi hình thành cho mãi tận ngày nay. Không gian mở là một trong những nhân tố địa lý hết sức quan trọng giúp cho văn hoá Việt Nam không đơn điệu mà luôn luôn đa dạng và phong phú. Nhờ đó, người Việt có khả năng hội nhập và lan toả nền văn hoá của mình, tạo nên một bản sắc văn hoá độc đáo nhưng không cô lập. Nền văn hoá đó mang những sắc thái riêng phù hợp với hoàn cảnh sống và môi trường của riêng mình nhưng cũng mang những sắc thái chung của cả khu vực Đông Nam Á rộng lớn.

Tuy nhiên, không gian mở mặt khác cũng có những bất lợi của nó. Đó là người Việt luôn luôn một mặt phải chăm lo xây dựng cuộc sống kinh tế, văn hoá của mình trong cộng đồng thống nhất đa sắc tộc, mặt khác phải lo phòng thủ và chống trả quyết liệt với các kẻ thù từ bên ngoài với mọi hình thức, từ xâm lấn đất đai bờ cõi cho đến âm mưu đồng hoá về văn hoá.

Có thể nói không gian sinh tồn mở đã là tiền đề tự nhiên thuận lợi giúp cho người Việt ngay từ thời mới khai sinh đã có một khả năng tiếp xúc với nhiều nền văn hoá khác và chính quá trình tiếp xúc đa phương đó đã giúp người Việt không bị đồng hoá hay lệ thuộc quá chặt chẽ vào bất cứ một nền văn hoá mạnh nào. Người Việt đã tạo dựng cho mình một nền văn hoá riêng trên cơ sở tự phát triển và hội nhập những tinh hoa của các nền văn hoá khác rồi biến đổi cho phù hợp với phương thức sống trong môi trường tự nhiên và tâm thức sống của riêng mình trong cộng đồng xã hội và cộng đồng nhân loại.

Chế độ khí hậu : Hiện tại, chưa có những nghiên cứu về vật hậu học để tìm hiểu những đặc trưng và những diễn biến về khí hậu trong môi trường sống của người Việt cách đây từ 3-4 nghìn năm về trước cho tới ngày nay. Tuy nhiên, những khảo sát trên

quy mô rộng hơn đã cho thấy từ giai đoạn đầu Holocene cho tới giờ, về mặt khí hậu, cũng có một số biến đổi nhưng không phải là những đợt biến lớn. Khí hậu trong vòng 3-4 nghìn năm trở lại đây nói chung có thể hình dung cũng tương tự như khí hậu hiện tại.

Người Việt hình thành trong một vùng khí hậu gió mùa, lắm mưa, nhiều nắng và rất khắc nghiệt (1). Tính chất khắc nghiệt thể hiện ở chỗ trong mùa hè thì nhiệt độ và độ ẩm thường rất cao, rất không thuận lợi cho sức khoẻ của con người và nhiều loài gia súc, nhiều nấm mốc; vì trùng côn trùng độc hại dễ sinh sôi và phát triển. Mùa hè cũng là mùa mưa bão, lũ lụt. Có những trận bão ghê người mạnh tới cấp 11, 12 làm tốc nhà cửa, đổ cây cối, đắm thuyền bè. Có những trận lũ lụt cuốn phăng theo dòng sông người, nhà cửa, mùa màng và gia súc. Về mùa đông, tuy nhiệt độ trong vùng không hạ thấp như nhiều vùng khác trên thế giới nhưng chế độ thời tiết trong mùa đông ở Bắc Việt Nam rất thất thường. Có những ngày giữa mùa đông, trời bỗng nóng nực như mùa hè rồi bất thình lình, một trận gió mùa tràn tới trời đột ngột trở rét. Cái rét cắt da cắt thịt tạo nên bởi sự hạ nhiệt độ đột ngột kèm theo gió lạnh và mưa phùn là một dạng thời tiết độc hại khiến nhiều người xứ lạnh đến vùng này cũng cảm thấy rất khó chịu. Biến đổi nhiệt độ và độ ẩm đột ngột là một trong những nguyên nhân gây ra tật bệnh cho người và gia súc.(2)

Tuy nhiên, chế độ khí hậu trên lại là tiền đề thuận lợi cho nhiều loài thực vật cả lợi lẫn hại đua nhau phát triển. Chế độ khí hậu này cũng cho phép người Việt có điều kiện du nhập và phát triển một số cây ăn quả, cây lương thực và đặc biệt là một số cây trồng ngắn ngày trên vùng đất này làm đa dạng và phong phú nền văn hoá trồng trọt của mình. Đó là điều nhiều cư dân sống trong các vùng khác đâu có muốn cũng khó có thể thực hiện được.

Môi trường khí hậu có nhiều thay đổi khiến cho người Việt phải sáng tạo ra nhiều kiểu nhà ở, quần áo khác nhau sao cho phù hợp với thời tiết, với môi trường sống đặc thù của từng vùng trong từng mùa. Tìm ra cách ăn uống phù hợp với từng mùa, các cách phòng và chống bệnh tật mỗi khi trái gió trở trời và quan trọng nhất là tìm ra

(1). Theo những số liệu thống kê khoa học thì lượng bức xạ tổng cộng ở nước ta vượt quá 100 kcal/cm² trong một năm. Cân bằng bức xạ quanh năm dương và đạt đến 75 kcal/cm²/năm. Nhiệt độ trung bình năm là từ 22 đến 27 độ C. Tổng lượng nhiệt trên 10 độ C cả năm hay là tổng lượng nhiệt hoạt động lên đến 8000 độ. Nói chung về mùa hè, mỗi tháng chúng ta có tới 200 giờ nắng còn trong mùa đông, số giờ nắng cũng không dưới 70 giờ hàng tháng (theo Lê Bá Thảo, 1977)

(2). Nói chung khu vực Bắc Việt Nam kể từ đèo Hải Vân trở ra, về mùa đông có những đợt lạnh thực sự. Vùng Hà Nội có năm nhiệt độ hạ xuống dưới 5 độ C. ở một số vùng núi cao, có năm nhiệt độ hạ xuống dưới 0 độ C làm cho mặt nước tạo thành lớp băng mỏng, có năm có cả tuyết rơi.